

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số: **33** /2026 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 1/2026

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020, Công ty xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 1/2026 so với cùng kỳ năm 2025 chi tiết như sau:

I. So sánh một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 1/2026	Quý 1/2025	Tăng (giảm)	% tăng (giảm)
10	Doanh thu thuần	744.435.224.509	1.018.049.729.864	(273.614.505.355)	-26,88
11	Giá vốn hàng bán	527.293.916.847	772.185.345.266	(244.891.428.419)	-31,71
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	217.141.307.662	245.864.384.598	(28.723.076.936)	-11,68
22	Doanh thu tài chính	19.820.121.326	23.428.851.092	(3.608.729.766)	-15,40
23	Chi phí tài chính	6.358.419.327	13.722.765.506	(7.364.346.179)	-53,67
24	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	5.054.903.575	8.660.676.007	(3.605.772.432)	-41,63
25	Chi phí bán hàng	49.771.566.471	43.558.808.509	6.212.757.962	14,26
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.163.411.092	14.026.234.666	12.137.176.426	86,53
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	149.516.317.785	196.211.480.351	(46.695.162.566)	-23,80
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.046.048.706	31.444.083.939	(7.398.035.233)	-23,53
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.056.415.366	189.458.170	1.866.957.196	985,42
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	123.413.853.713	164.577.938.242	(41.164.084.529)	-25,01



II. Nguyên nhân biến động

Nguyên nhân dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty trong Quý 1/2026 theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 273.614.505.355 đồng (26,88%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 244.891.428.419 đồng (31,71%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 28.723.076.936 đồng (11,68%)

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3.608.729.766 đồng (15,40%), nguyên nhân:

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 3.161.233.970 đồng.
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 447.495.796 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 7.364.346.179 đồng (53,67%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 3.898.146.702 đồng.
- Chi phí lãi vay giảm 3.605.772.432 đồng.

5. Chi phí bán hàng tăng 6.212.757.962 đồng (14,26%), nguyên nhân chính:

- Chi phí lương nhân viên tăng 3.290.967.971 đồng
- Chi phí vật liệu, dụng cụ tăng 4.743.426.991 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 3.055.153.178 đồng
- Chi phí bán hàng khác tăng 1.233.516.178 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12.137.176.426 đồng (86,53%)

- Chi phí lương nhân viên tăng 7.323.486.488 đồng
- Chi phí khấu hao tăng 305.329.562 đồng
- Chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác tăng 4.508.360.376 đồng

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 46.695.162.566 đồng (23,80%), lợi nhuận sau thuế giảm 41.164.084.529 đồng (25,01%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng giảm, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

Xin chân thành cảm ơn./.

- Như trên
- Lưu Ban QHCD.
- Lưu VT. TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

